

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		JS2+RP2+P1	7:25	21+1+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
2		P6+P4+P3+BK8	7:25	16+1+1+4	0+0+0+0		1+11+2+7	0+0+0+0	
3		TD3+JS2+RC5	9:25	7+12+0	0+0+0		1+10+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: JS2 - RP2 - P1	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRỌNG	JS2	09-10	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	THAI QUỐC CUÔNG	JS2	60	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	JS2	46-47	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	JS2	08	1	10	90	67	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRONG TOAN	JS2	55,79,76	3	17		80	KHOAN	Vietnamese
6	SADOVNICHENKO DMITRI	JS2	45	1	12		90	KHOAN	Russian
7	GANGADHARAN MENON VINEETH	JS2	47-48	2	15		80	KHOAN	Indian
8	DCUNHA DAMIAN JOSHEPH	JS2	96-97	2	17		89	KHOAN	Australian
9	EDWIN PINTO	JS2	02	1	14		100	KHOAN	Indian
10	PHAM VAN VIET	JS2	81	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
11	VO VAN LINH	JS2	66	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN CONG TRUONG	JS2	29	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH VAN KIET	JS2	94	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	LE HONG SON	JS2	92	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN VINH	JS2	83	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
16	BUI QUỐC GIA	JS2	85	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
17	BUI VAN CHUONG	JS2	89	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THOM	JS2	12	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
19	LAM QUANG HIEP	JS2	03	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DUC CONG	JS2	88	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG CONG THANG	JS2	33	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NHAN	RP2	88-89	2	17		70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	27	179	1.504	90	18		
2	RP2	1	2	17	70	0	0		
3	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	29	196	1.574	90	22		
WEIGHT KG				196	1.574	90			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P6 - P4 - P3 - BK8	CREW: Hạnh - Dương - Năm	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG XUAN NGUYEN	P6	28	1	5		62	BA SON	Vietnamese
2	BUI THO SON	P6	20-21	2	11	15	70	BA SON	Vietnamese
3	NGUYEN VAN SON	P6	22-23	2	20		85	BA SON	Vietnamese
4	CAO DINH HIEU	P6	19	1	10		68	BA SON	Vietnamese
5	HA VAN HAI	P6	10-11	2	12		74	BA SON	Vietnamese
6	NGUYEN BA HOANG	P6	24-25	2	18	10	60	BA SON	Vietnamese
7	PHAM QUANG LINH	P6	18	1	5		55	BA SON	Vietnamese
8	PHAN DUNG TIEN	P6	08-09	2	12		67	BA SON	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HAO	P6	15	1	10		65	BA SON	Vietnamese
10	HOANG VAN THANH	P6	16	1	8		62	BA SON	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUYEN	P6	17	1	12		55	BA SON	Vietnamese
12	TRAN VAN THANH	P6	14	1	5		55	BA SON	Vietnamese
13	TRAN BA THUONG	P6	13	1	10		62	BA SON	Vietnamese
14	PHAN HUY THANG	P6	12	1	7		70	BA SON	Vietnamese
15	TRAN VIET NAM	P6	07	1	6		75	BA SON	Vietnamese
16	VU MANH THANG	P6	06	1	7		70	GETRACO	Vietnamese
17	PARIJAT PAR	P4	77-78	2	20	30	75	KHI	Indian
18	NGUYEN DINH TRONG	P3	10-11	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN LAC	BK8	17	1	20	20	92	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN TAN	BK8	18-19	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM KIEN TRUC	BK8	22	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC LONG	BK8	20	1	20	15	60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	16	21	158	1,055	25	1		
2	P4	1	2	20	75	30	11		
3	P3	1	2	10	72	0	2		
4	BK8	4	5	70	289	35	7		
TOTAL		22	30	258	1,491	90	21		
WEIGHT KG				258	1,491	90			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: TD3 - JS2 - RC5	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG DINH VINH	TD3	23	1	9		76	DVL	Vietnamese
2	HOANG XUAN HUY	TD3	28-29	2	17	50	67	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VAN VUONG	TD3	25	1	6		60	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN NGOC DUY	TD3	26	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
5	LE TRONG DUNG	TD3	27	1	6		56	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH XUAN TINH	TD3	21-22	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HIEN	TD3	24	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HOANG QUAN	JS2	68	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG SINH	JS2	82	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRUONG MINH KHANH	JS2	91	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CHI LINH	JS2	87	1	10	120	82	KHOAN	Vietnamese
12	BELAEV	JS2	54	1	10		80	KH-THAC	Russian
13	HO NGOC BEN	JS2	89	1	10	50	75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG VU	JS2	86	1	13		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN AN NINH	JS2	84	1	17		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN KHAC TUAT	JS2	69,59,95	3	14		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HIEU	JS2	93	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HIEN	JS2	90-91	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SANG	JS2	50,51	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	9	78	476	50	1		THAO 01 GHE DOI CHO HANG
2	JS2	12	16	134	897	170	10		
3	RC5	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		19	25	212	1.373	220	20		
WEIGHT KG				212	1.373	220			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TD1	7:25	1+21	0+0		1+20	0+0	
2		BK5+BK9+CLO	7:25	2+4+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
3		TTCl+CTK3	9:25	2+17	0+0		0+22	0+0	
4		P5+P10+CLO	9:25	6+13+2	0+0+0		4+13+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P8 - TD1	CREW: Hạnh - MTHAO - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC HÒA	P8	40-41	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BẢO	TD1	73	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG TUAN ANH*TT	TD1	70-71	2	13		74	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐÔI	TD1	64	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	68	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	74	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TD1	63	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN KIẾN	TD1	69	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	79	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	TD1	67	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO MINH DŨNG	TD1	61-62	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1	72	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN TRƯỞNG-PVDT	TD1	66	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD1	65	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	TÀ BA HOAN	TD1	78	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ NGỌC LUÂN	TD1	60	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	75	1	13		58	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN MINH TUÂN	TD1	59	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
20	PHẦN THANH TÀI	TD1	76	1	8		56	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG SƠN	TD1	77	1	6	30	70	DVL	Vietnamese
22	TRẦN VĂN TUYẾT	TD1	80-81	2	15		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	1	2	18	63	0	1		
2	TD1	21	23	175	1.475	30	20		
TOTAL		22	25	193	1.538	30	21		
WEIGHT KG				193	1.538	30			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: BK5 - BK9 - CLO	CREW: HUNG - Linh - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	BK5	44-45	2	13		77	CODIEN	Vietnamese
2	DUONG HUU THUAN	BK5	42-43	2	15	40	60	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN VAN HUY	BK9	83	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HONG LINH	BK9	84	1	9	88	80	KH-THAC	Vietnamese
5	VU CHI CONG	BK9	81	1	8	20	53	KH-THAC	Vietnamese
6	LE THANH BINH	BK9	82	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
7	TO ANH TUAN	CLO	36	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	LUONG NGOC KHUONG	CLO	35	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM DINH THU	CLO	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THANH	CLO	43	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN SAU	CLO	42	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM MINH HOANG	CLO	29	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN BINH	CLO	38	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN THANH TAM	CLO	41	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN DINH	CLO	30	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
16	LE MINH HIEP	CLO	32	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DANG KHOA	CLO	31	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG SON	CLO	40	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
19	MAI NGOC QUYEN-CAM-PVDT	CLO	33	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
20	LE LONG	CLO	34	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HIEN	CLO	39	1	5		72	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN HAM HA	CLO	37	1	5		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	2	4	28	137	40	0		
2	BK9	4	4	38	265	108	0		
3	CLO	16	16	82	1.124	0	22		
TOTAL		22	24	148	1.526	148	22		
WEIGHT KG				148	1.526	148			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: TTC1 - CTK3	CREW: Hạnh - MTHAO - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH MAI THIÊN	TTC1	03-05	3	20		70	CODIEN	Vietnamese
2	MAI ĐINH KHANG	TTC1	06-07	2	20		49	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG AN	CTK3	10	1	8		69	XAYLAP	Vietnamese
4	TRƯỜNG TÂN LỢI	CTK3	18	1	6		85	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUÂN	CTK3	19	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
6	VU QUỐC VƯƠNG	CTK3	11-13	3	15	30	78	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC THỊNH	CTK3	16-17	2	15		54	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐẠT	CTK3	37	1	5		55	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ TRUNG KIẾN	CTK3	14-15	2	13		73	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC THẮNG	CTK3	31	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN BÀ SƠN	CTK3	26-27	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NINH VĂN SƠN	CTK3	24-25	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGÔ QUANG PHÚC	CTK3	21	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VIỆT QUANG	CTK3	32-33	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG ĐINH VINH	CTK3	34-36	3	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG ANH THÂN	CTK3	22-23	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG HÙNG	CTK3	28-30	3	20		78	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM ĐÌNH HÙNG	CTK3	62	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

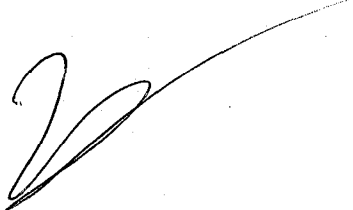
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	2	5	40	119	0	0		
2	CTK3	16	28	212	1.127	30	22		
TOTAL		18	33	252	1.246	30	22		
WEIGHT KG				252	1.246	30			

GRAND TOAL: 1.528 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: P5 - P10 - CLO	CREW: HUNG - Linh - NNam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN THU	P5	82	1	15		52	DVL	Vietnamese
2	VU VAN TRUNG	P5	85	1	11		72	DVL	Vietnamese
3	PHAM HONG QUY	P5	81	1	10		68	DVL	Vietnamese
4	KRAVTSOV ALEXANDER	P5	79-80	2	20		74	DVL	Russian
5	ĐINH VĂN ĐÔNG	P5	83	1	10		58	DVL	Vietnamese
6	VU ANH TRONG	P5	84	1	10		67	DVL	Vietnamese
7	ĐẶNG TUẤN ANH	P10	08-09	2	17	50	85	CODIEN	Vietnamese
8	HOANG QUỐC HUY	P10	07	1	14		80	CODIEN	Vietnamese
9	ĐO VĂN HOANG	P10	75-76	2	7		60	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ NGOC CUONG	P10	71-72	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	P10	79-80	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
12	LUU MANH TIEN	P10	78	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ VĂN SƠN	P10	10-11	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
14	HA VAN NHIEM	P10	68	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU THỊNH	P10	12-67	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
16	HUYNH KỲ MINH TUÂN	P10	73-74	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VAN THANG	P10	69-70	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGOC CHINH	P10	77	1	11		78	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐOÀN	P10	81	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
20	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	44	1	9	10	60	DVL	Vietnamese
21	ĐO TRỌNG HIEN	CLO	45	1	15		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	6	7	76	391	0	4		
2	P10	13	21	200	899	50	13		
3	CLO	2	2	24	130	10	5		
TOTAL		21	30	300	1.420	60	22		
WEIGHT KG				300	1.420	60			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CLI+P2	7:25	22+0+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	CHUYỂN 2 TD2 CLI
2		GTCl+BK3+TD2	9:25	8+5+5	0+0+0		8+4+2	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - CLI - P2	CREW: ATUÁN - Hồi - Toan	ETA: 09:10
Hồng - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HAI SON	TD2	66-67	2	5		79	KHOAN	Vietnamese
2	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	62	1	4		125	KHOAN	Russian
3	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	72	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
4	CAO ĐỨC VIÊN	TD2	58-59	2	12		62	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	69-70	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	68	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THÈ CHUYỀN	TD2	74	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	71	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ VĂN HÙNG	TD2	63	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TỰ	TD2	60	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	75	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
12	MUSTAFA	TD2	79	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THÈ LONG*CAM-PVDT	TD2	78	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH TIỀN	TD2	61	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
15	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	76	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD2	73	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
17	MAI HAI LONG	TD2	77	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN THANH	TD2	81	1	7	78	86	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG PHÚ	TD2	80	1	12	30	72	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	64	1	5		73	DVL	Vietnamese
21	KIEU TUẤN ANH	TD2	57	1	9		87	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG	TD2	65	1	12		76	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	25	150	1.668	108	16	2	CHUYEN 2 PAX TU TD2 SANG CLI 01 NB BUI TUAN TRUNG
2	CLI	0	0	0	0	0	0		
3	P2	0	0	0	0	20	6		
TOTAL		22	25	150	1.668	128	22		
WEIGHT KG				150	1.668	128			

GRAND TOAL: 1.946 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	TO: GTC1 - BK3 - TD2	CREW: ATUÁN - Hồi - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO XUÂN DŨNG	GTC1	28	1	10	23	70	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ HOÀNG TIỀN	GTC1	10	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN ĐÌNH	GTC1	48	1	17		71	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN BA DIỆN	GTC1	26	1	10	12	80	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN LINH	GTC1	19-20	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN MẠNH	GTC1	21-23	3	17		68	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN CƯỜNG	GTC1	24-25	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN NHÂN	GTC1	17-18	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
9	QUẦN HỒNG QUANG	BK3	08	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	BK3	93	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ BÌNH MINH	BK3	96	1	12	20	52	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ VĂN KHA	BK3	91-92	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRĂNG	BK3	94-95	2	11		60	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD2	12	1	18		77	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN HUNG DUNG	TD2	13	1	8		70	DVL	Vietnamese
16	LÊ HOÀI THIÊN	TD2	14	1	12	60	75	DVL	Vietnamese
17	NHÂM ĐỨC TUẤN	TD2	16	1	10		70	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUẬT	TD2	15	1	15		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	8	13	121	562	35	8		
2	BK3	5	7	60	321	20	4		
3	TD2	5	5	63	362	60	3		
TOTAL		18	25	244	1.245	115	15		
WEIGHT KG				244	1.245	115			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN